

GIẢI PHÁP NÂNG CAO TÍNH BỀN VỮNG CỦA CÁC DỰ ÁN ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI VÙNG BẮC TRUNG BỘ

Trương Thu Hằng¹

Văn phòng các Chương trình KH&CN Quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ

Trần Anh Tuấn

Viện Nghiên cứu và Phát triển Vùng, Bộ Khoa học và Công nghệ

Tóm tắt:

Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu hóa, khoa học và công nghệ (KH&CN) đang phát triển như vũ bão thì việc ứng dụng KH&CN vào phát triển kinh tế-xã hội, đặc biệt là trong nông nghiệp vùng nông thôn và miền núi là hết sức cần thiết. Chương trình “Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ KH&CN phục vụ phát triển kinh tế-xã hội nông thôn và miền núi” (Chương trình NTMN) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đã trải qua các giai đoạn (20 năm thực hiện): 1998-2002, 2004-2010, 2011-2015, 2016-2020 và đang thực hiện giai đoạn 2021-2025, đã góp phần phát triển các sản phẩm nông nghiệp có lợi thế của các vùng, hình thành những doanh nghiệp ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, nâng cao trình độ quản lý và kỹ thuật cho cán bộ cơ sở, tạo việc làm, tăng thu nhập cho hàng triệu nông dân ở nông thôn và miền núi. Mặc dù đạt được nhiều thành công nhưng trong quá trình thực hiện cũng gặp không ít khó khăn trong việc đảm bảo tính bền vững của các dự án (dự án không hoàn thành nhiệm vụ, không duy trì, nhân rộng được mô hình sau khi kết thúc) - một yếu tố hết sức quan trọng, mang tính quyết định đến sự thành công của Chương trình NTMN. Trong bài viết này, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao tính bền vững cho các dự án thuộc Chương trình NTMN thông qua nghiên cứu tại vùng Bắc Trung Bộ.

Từ khóa: Cơ chế; Chính sách; Giải pháp; Chương trình nông thôn miền núi; Vùng Bắc Trung Bộ.

Mã số: 23020701

SOLUTIONS TO IMPROVE SUSTAINABLE PROJECTS APPLICATION OF SCIENCE AND TECHNOLOGY PROMOTION ECONOMIC DEVELOPMENT OF THE NORTH CENTRAL

Summary:

In the context of a globalized economy, science and technology (S&T) is developing rapidly, the application of science and technology to socio-economic development, especially in agriculture in rural and mountainous areas, is absolutely necessary. The program “Support for the application and transfer of science and technology advances to serve the socio-

¹ Liên hệ tác giả: thuhang_ntmn@most.gov.vn

economic development of rural and mountainous areas” (Rural and Mountainous Program) approved by the Prime Minister has gone through several stages (20 years of implementation) 1998-2002, 2004-2010, 2011-2015, 2016-2020 and is being implemented in the period 2021-2025, has contributed to the development of agricultural products with advantages of regions, forming applied enterprises hi-tech agriculture, improving management and technical skills for grassroots officials, creating jobs and increasing incomes for millions of farmers in rural and mountainous areas. Although many successes have been achieved, during the implementation process, there were also many difficulties in ensuring the sustainability of the projects (the project did not complete the task, did not maintain and replicate the model after completion of the project). end) - a very important factor that is decisive to the success of the Rural and Mountainous Program. In this article, the authors propose a number of solutions to improve the sustainability of the projects under the Rural and Mountainous Program through research in the North Central region.

Keywords: Mechanism; Policy; Solutions; Rural and Mountainous Program; North Central region.

1. Dẫn nhập

Chương trình NTMN đã trải qua 4 giai đoạn với hơn 20 năm thực hiện, góp phần cùng với các Chương trình mục tiêu quốc gia khác như: Chương trình Nông thôn mới, Chương trình phát triển các sản phẩm hàng hóa chủ lực,... trong phát triển kinh tế-xã hội các vùng kinh tế trong cả nước. Có nhiều tiến bộ KH&CN trong nông nghiệp đã được chuyển giao tới nông dân thông qua các dự án của chương trình NTMN. Tuy vậy, hiệu quả của các dự án còn bị hạn chế do chúng ta chưa có những biện pháp phù hợp và còn nhiều bất cập trong phương thức chuyển giao. Chưa gắn chặt việc lựa chọn địa điểm thực hiện dự án với thị trường tiêu thụ sản phẩm. Trong quá trình thực hiện dự án chưa huy động được sự tham gia hiệu quả của nông dân và cộng đồng, vì thế kết quả dự án thường kém bền vững.

Từ trước đến nay, có rất nhiều báo cáo sơ kết, tổng kết, cũng như một vài nghiên cứu, đánh giá hiệu quả của Chương trình NTMN qua từng giai đoạn. Ví dụ như: Đề tài “*Nghiên cứu cơ sở lý luận và tổng kết thực tiễn xây dựng mô hình ứng dụng KH&CN phục vụ phát triển nông thôn và miền núi*” năm 2007 của TS. Bùi Mạnh Hải; Đề tài “*Nghiên cứu và đề xuất các biện pháp đảm bảo tính bền vững của công tác chuyển giao tiến bộ KH&CN trong nông nghiệp các tỉnh miền núi phía Bắc*” năm 2008 của TS. Trần Anh Tuấn. Tuy nhiên, chưa nghiên cứu nào đưa ra giải pháp nhằm nâng cao tính bền vững cho các dự án mà cụ thể cho các dự án của Chương trình NTMN. Xuất phát từ những đòi hỏi thực tiễn đó, nhóm nghiên cứu đã thực hiện nhiệm vụ: “*Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nâng cao tính bền vững của các dự án*

ứng dụng KH&CN thuộc Chương trình NTMN” nhằm giải quyết những bất cập nêu trên.

2. Một số vấn đề về cơ sở lý luận

Hoạt động chính của Chương trình NTMN là triển khai thực hiện các dự án ứng dụng và chuyển giao tiên bộ KH&CN gắn với các sản phẩm, mục tiêu cụ thể như: nâng cao hiệu quả sản xuất sản phẩm nông nghiệp; ứng dụng công nghệ cao/tiên tiến để xuất khẩu các loại nông sản quý/đặc thù; ứng dụng công nghệ mới vào các khâu sản xuất, chế biến, bảo quản trong các ngành nông lâm thủy sản, diêm nghiệp và các ngành sử dụng nguyên liệu tại chỗ. Vì vậy, có thể coi các dự án thuộc Chương trình NTMN là các dự án phát triển kinh tế-xã hội.

Đề xuất giải pháp để nâng cao tính bền vững của các dự án thuộc Chương trình NTMN cần làm rõ khái niệm về “tính bền vững”, đây là cơ sở lý luận cơ bản mà nhóm tác giả cho rằng cần phải đề cập ở bài viết này. Theo quan điểm của nhóm tác giả, để dự án đạt được “tính bền vững” thì quá trình thực hiện dự án đó phải có tính liên tục hoặc các lợi ích của nó phải được duy trì không hạn định. Việc xem xét một dự án có tính bền vững hay không là một dự báo tương lai, có tính rủi ro cao, bởi vì “tính bền vững” là một quá trình ngẫu nhiên, không chắc chắn. Tóm lại: “tính bền vững” được định nghĩa là một tổ hợp các hoạt động có thể giúp cải thiện được điều kiện hoạt động theo cách thức sao cho có thể duy trì được sự cải thiện đó. Trong bài viết này, “tính bền vững” của các dự án thuộc Chương trình NTMN được xác định ở các tiêu chí sau:

- Một là, ứng dụng thành công các quy trình công nghệ vào thực tế sản xuất: xây dựng được các mô hình sản xuất ứng dụng các quy trình công nghệ tạo ra các sản phẩm đạt chất lượng đề ra, dự án đạt được kết quả đã cam kết.
- Hai là, nhân rộng các mô hình: Sau khi dự án kết thúc, nhiều người dân hoặc các tổ chức khác ứng dụng quy trình công nghệ của dự án vào thực tế sản xuất của mình để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giúp nâng cao đời sống và thu nhập.

3. Thực trạng về tính bền vững của các dự án thực hiện tại vùng Bắc Trung Bộ

Thực trạng về tính bền vững của các dự án thuộc Chương trình NTMN triển khai tại vùng Bắc Trung Bộ được thể hiện qua các thông tin về: số lượng dự án được triển khai, số lượng dự án dừng thực hiện, kết quả nghiệm thu các dự án, kết quả việc duy trì, nhân rộng các dự án; những khó khăn, tồn tại trong việc thực hiện, duy trì và nhân rộng kết quả dự án.

3.1. Về số lượng

Trong thời gian từ năm 2004 đến năm 2020, Chương trình NTMN đã thực hiện 61 dự án với tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách trung ương là 200.240 triệu VNĐ, cụ thể như sau:

Bảng 1: Số lượng dự án triển khai các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ

TT	Tỉnh/thành phố	Số lượng dự án	Kinh phí hỗ trợ từ NSTW (triệu VNĐ)
1.	Thanh Hóa	16	60.190
2.	Nghệ An	11	35.450
3.	Hà Tĩnh	10	31.390
4.	Quảng Bình	9	30.950
5.	Quảng Trị	10	28.560
6.	Thừa Thiên Huế	5	13.700
	Tổng số	61	200.240

Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp

3.2. Về tình hình thực hiện dự án

Bảng 2: Tình hình thực hiện các dự án

TT	Tỉnh	Tổng số	Dừng thực hiện	Chưa nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu			
					Xuất sắc	Khá	Đạt	Không đạt
1	Thanh Hóa	16	3	8	0	4	1	0
2	Nghệ An	11	0	4	0	7	0	0
3	Hà Tĩnh	10	0	3	0	6	1	0
4	Quảng Bình	9	0	4	0	5	0	0
5	Quảng Trị	10	1	2	1	5	1	0
6	Thừa Thiên Huế	5	1	1	0	3	0	0
	Tổng cộng	61	5	22	1	30	3	0

Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp

Như vậy, trong số 61 dự án triển khai tại vùng Bắc Trung Bộ có 34 dự án đã được nghiệm thu, trong đó:

- + 01 dự án được đánh giá Xuất sắc.
- + 30 dự án được đánh giá loại Khá.
- + 03 dự án được đánh giá ở mức Đạt.
- + Không có dự án bị đánh giá xếp loại Không đạt.
- + Số lượng dự án còn đang thực hiện, chưa được nghiệm thu là 22 dự án, trong đó chủ yếu là dự án bắt đầu thực hiện từ năm 2019 và 2020.
- + 05 dự án dừng thực hiện, trong đó gồm:

Tỉnh Thanh Hóa (03 dự án): Dự án “Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật cải tiến công nghệ, mở rộng qui mô sản xuất đèn lồng xuất khẩu, gắn với khai thác hợp lý rừng vầu tại Thanh Hóa”; Dự án “Ứng dụng khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình trồng, chế biến Hà thủ ô đỏ và đấng sâm Việt Nam tại 2 huyện Bá Thước và Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Dự án “Ứng dụng tiến bộ KHCN trong xây dựng mô hình nuôi đà điều sinh sản, đà điều thương phẩm và chế biến da tại Thanh Hóa”.

Tỉnh Quảng Trị (01 dự án): Dự án “Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ tiên tiến trong chăn nuôi lợn qui mô công nghiệp tại tỉnh Quảng Trị”.

Tỉnh Thừa Thiên Huế (01 dự án): Dự án “Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình sản xuất rau an toàn theo công nghệ tiên tiến, đạt tiêu chuẩn Vietgap” tại huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Để xác định những nguyên nhân dẫn đến dự án không hoàn thành nhiệm vụ, nhóm nghiên cứu đã tiến hành thu thập thông tin từ các biên bản kiểm tra dự án, biên bản xác nhận khối lượng kinh phí, biên bản nghiệm thu thành phần hoặc nghiệm thu mô hình,... và phỏng vấn cán bộ phụ trách quản lý dự án tại Sở KH&CN, các chuyên viên theo dõi vùng của Văn phòng Chương trình NTMN.

Bảng 3: Nguyên nhân dự án dừng thực hiện

TT	Tỉnh	Tên dự án	Loại đơn vị chủ trì	Nguyên nhân chính
1.	Thanh Hóa	Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật cải tiến công nghệ, mở rộng qui mô sản xuất đèn lồng xuất khẩu, gắn với khai thác hợp lý rừng vầu tại Thanh Hóa	Doanh nghiệp	Khi xây dựng dự án, doanh nghiệp đang có thị trường tiêu thụ sản phẩm tốt tại nhiều nước nhưng sau khi triển khai, việc xuất khẩu gặp khó khăn. Công ty thay đổi chủ sở hữu, HĐQT mới không muốn tiếp tục thực hiện dự án.

TT	Tỉnh	Tên dự án	Loại đơn vị chủ trì	Nguyên nhân chính
2.		Ứng dụng tiến bộ KHCN trong xây dựng mô hình nuôi đũa điều sinh sản, đũa điều thương phẩm và chế biến da tại Thanh Hóa.	Doanh nghiệp	Không vận động được người dân tham gia dự án
3.		Ứng dụng khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình trồng, chế biến hà thủ ô đỏ và đấng sâm Việt Nam tại 2 huyện Bá Thước và Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.	Doanh nghiệp	Do điều kiện thời tiết làm được liệu chết nhiều. Người dân không tiếp tục tham gia mô hình nên không đủ diện tích trồng.
4.	Quảng Trị	Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ tiên tiến trong chăn nuôi lợn quai mô công nghiệp tại tỉnh Quảng Trị.	Doanh nghiệp	Không tìm được đầu ra cho sản phẩm
5.	Thừa Thiên Huế	Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình sản xuất rau an toàn theo công nghệ tiên tiến, đạt tiêu chuẩn Vietgap tại huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.	Doanh nghiệp	Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách trung ương để thực hiện dự án thấp.

Nguồn: Kết quả điều tra của nhóm nghiên cứu năm 2023

3.2.1. Tình hình thực hiện các dự án

Kết quả thực hiện các dự án được mô tả dưới đây:

Bảng 4: Kết quả thực hiện các Dự án

TT	Tỉnh	Tổng số	Dừng thực hiện	Chưa nghiệm thu		Đã nghiệm thu				
				Tổng số	Trong đó: Nhân rộng	Tổng số	Trong đó		Duy trì	
							Không duy trì	Tổng số	Trong đó: Nhân rộng	
1	Thanh Hóa	16	3	8	8	5	1	4	4	
2	Nghệ An	11	0	4	4	7	2	5	4	
3	Hà Tĩnh	10	0	3	3	7	1	6	4	
4	Quảng Bình	9	0	4	3	5	3	2	1	

TT	Tỉnh	Tổng số	Dừng thực hiện	Chưa nghiệm thu		Đã nghiệm thu			
				Tổng số	Trong đó: Nhân rộng	Tổng số	Trong đó		
							Không duy trì	Duy trì	
						Tổng số		Trong đó: Nhân rộng	
5	Quảng Trị	10	1	2	2	7	0	7	4
6	Thừa Thiên Huế	5	1	1	1	3	1	2	2
Tổng cộng		61	5	22	21	34	8	26	19

Nguồn: Kết quả điều tra của nhóm nghiên cứu năm 2023

Ngoài 05 dự án dừng thực hiện, có tổng số 22 dự án chưa được nghiệm thu và 34 dự án đã được nghiệm thu theo kết quả nêu ở phần trên.

Trong số 34 dự án đã nghiệm thu thì có 26 dự án đến nay còn duy trì thực hiện, trong đó có 19 dự án đã nhân rộng được mô hình. Trong số 22 dự án chưa được nghiệm thu thì đã có tới 21 dự án nhân rộng được mô hình.

3.2.2. Nhận xét về tính bền vững của các dự án

Việc đánh giá tính bền vững của các dự án thuộc Chương trình NTMN dựa trên các tiêu chí cơ bản sau: *Một là*, ứng dụng thành công các quy trình công nghệ hoặc hoàn thành các mục tiêu, nội dung trong thuyết minh đề ra; *Hai là*, kết quả dự án được duy trì và phát triển sau khi dự án kết thúc;

Các dự án hoàn thành và đạt tiêu chí bền vững: Các dự án đã kết thúc thời gian thực hiện được đánh giá nghiệm thu dựa trên mức độ đạt được của các mục tiêu, đầu ra và kết quả trực tiếp bao gồm nội dung, sản phẩm của dự án. Nội dung của dự án chính là các mô hình ứng dụng KH&CN vào sản xuất và tạo ra các kết quả cụ thể. Dự án được nghiệm thu xếp loại Xuất sắc và loại Khá là các dự án hoàn thành tất cả các mục tiêu, nội dung, sản phẩm của dự án, hoặc vượt qui mô, chỉ tiêu đã đề ra. Trong số này có 19 dự án trên tổng số 34 dự án đã nghiệm thu (chiếm 55,88%).

Các dự án hoàn thành nhưng không đạt tiêu chí bền vững: Trong các dự án triển khai tại vùng Bắc Trung Bộ có 15 dự án (chiếm 44,12%) không đạt tiêu chí bền vững, trong đó 04 dự án đã được nghiệm thu đánh giá xếp loại Đạt. Đây là những dự án đã hoàn thành được các mục tiêu, nội dung của dự án như: triển khai thực hiện đủ số lượng và qui mô các mô hình, đào tạo đủ số

lượng kỹ thuật viên và hoàn thành việc tập huấn cho người dân. Các dự án này tuy đã hoàn thành các nội dung nhưng kết quả của dự án không được đánh giá cao bởi các lý do như: sản phẩm tạo ra chất lượng chưa cao, chưa giúp người dân tìm được thị trường đầu ra cho sản phẩm, vì vậy, hiệu quả kinh tế đem lại chưa đáng kể.

Các dự án không hoàn thành và không đạt tiêu chí bền vững: Đây là 5 dự án đã phải dừng thực hiện, nghĩa là dự án không hoàn thành được các mục tiêu, nội dung đã đề ra. Các sản phẩm như cam kết cũng không đáp ứng được cả về số lượng và chất lượng, vì vậy, các dự án dừng thực hiện đều không đem lại hiệu quả kinh tế cho tổ chức chủ trì cũng như người dân, và rõ ràng các mô hình không được nhân rộng. Các dự án này không đáp ứng được tất cả các tiêu chí về tính bền vững.

3.2.3. Đánh giá một số dự án điển hình

(1) Dự án “Xây dựng mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao sản xuất hoa Lan Hồ điệp, hoa Lily tại Quảng Trị”.

Bảng 5: Kết quả thực hiện dự án của tỉnh Quảng Trị

TT	Sản phẩm	Đơn vị tính	Theo hợp đồng	Đã thực hiện	Chỉ tiêu chất lượng
1	Các quy trình công nghệ đã chuyển giao	quy trình	07	07	Đạt yêu cầu
2	Danh mục sản phẩm cụ thể				
-	Cây giống Lan Hồ điệp	cây	5.000	5.080	Đạt chỉ tiêu đề ra
-	Hoa Lan Hồ điệp thương phẩm	cây	22.800	22.818	Đạt chỉ tiêu đề ra
-	Hoa Lily thương phẩm	cành	38.000	38.150	Đạt chỉ tiêu đề ra
-	Đào tạo kỹ thuật viên cơ sở	kỹ thuật viên	6	6	Đạt chỉ tiêu đề ra
-	Tập huấn kỹ thuật	lượt người	120	120	Đạt chỉ tiêu đề ra

Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp

Như vậy, sau khi kết thúc Dự án đã thực hiện đầy đủ và vượt qui mô so với thuyết minh được duyệt.

Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án đã có một số hộ dân sau khi được tập huấn kỹ thuật trồng và chăm sóc Lan Hồ điệp, hoa Lily do đơn vị chủ trì

tổ chức đã tham gia triển khai nhân rộng mô hình. Đến thời điểm nghiệm thu dự án, tổ chức chủ trì đã mở rộng sản xuất ra cơ sở 2 tại thôn của xã Hường Phùng, huyện Hường Hóa, tỉnh Quảng Trị. Dự án đảm bảo các tiêu chí về tính bền vững cả về ứng dụng thành công các quy trình công nghệ vào thực tế sản xuất và nhân rộng các mô hình.

Nguyên nhân dẫn đến sự thành công và đảm bảo tính bền vững của Dự án:

- Các nguồn lực để triển khai Dự án được đảm bảo đủ và kịp thời;
- Đối tượng của Dự án bao gồm: Lan Hồ điệp, hoa Lily tại thời điểm triển khai dự án có tiềm năng lớn về thị trường đầu ra;
- Tổ chức chủ trì đã lựa chọn địa điểm để triển khai thực hiện dự án có điều kiện tự nhiên phù hợp cả về thời tiết, khí hậu,...;
- Các công nghệ được lựa chọn đưa vào thực hiện phù hợp với địa phương, với trình độ của tổ chức chủ trì, của người dân và dễ áp dụng vào thực tế;
- Phương pháp tổ chức, chỉ đạo, quản lý và triển khai bảo đảm sự thống nhất hợp lý, khoa học và tuân thủ nguyên tắc dân chủ, minh bạch.

(2) Dự án “Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình trồng, chế biến và tiêu thụ các loại dược liệu giáo cỏ lam, hà thủ ô đỏ, đảng sâm Việt Nam tại hai huyện Bá Thước và Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa”.

Bảng 6: Kết quả thực hiện dự án của tỉnh Thanh Hóa

TT	Sản phẩm	Đơn vị tính	Theo hợp đồng	Đã thực hiện	Chi chú
1	<i>Các quy trình công nghệ đã chuyển giao</i>	<i>quy trình</i>	09	06	
2	<i>Danh mục sản phẩm cụ thể</i>				
2.1	Cây giống giáo cỏ lam	cây	1.125.000	0	Dừng ở giai đoạn vườn ươm, chưa sản xuất ra cây giống đủ tiêu chuẩn xuất vườn.
2.2	Cây giống hà thủ ô đỏ	cây	375.000	0	
2.3	Cây giống đảng sâm Việt Nam	cây	330.000	0	
2.4	Dược liệu giáo cỏ lam khô	tấn	37,5 tấn	0	Mô hình trồng chưa thu hoạch, chưa thực hiện mô hình sơ chế và bảo quản dược liệu
2.5	Dược liệu hà thủ ô đỏ khô	tấn	6 tấn	0	
2.6	Dược liệu đảng sâm Việt Nam khô	tấn	6 tấn	0	

TT	Sản phẩm	Đơn vị tính	Theo hợp đồng	Đã thực hiện	Chi chú
2.7	Đào tạo kỹ thuật viên cơ sở	kỹ thuật viên	06	06	Đạt chỉ tiêu đề ra
2.8	Tập huấn kỹ thuật	lượt nông dân	200	200	Đạt chỉ tiêu đề ra

Nguồn: Nhóm nghiên cứu tổng hợp

Từ kết quả trên có thể thấy, Dự án không đạt được kết quả đã đề ra theo thuyết minh được phê duyệt. Dự án đã phải dừng triển khai thực hiện khi chưa hoàn thành các nội dung đề ra. Như vậy, Dự án đã không đảm bảo được tính bền vững.

Nguyên nhân dẫn đến sự thất bại và không đảm bảo tính bền vững của Dự án:

- Trong thời gian thực hiện Dự án đã diễn ra lũ lụt và nắng nóng kéo dài gây thiệt hại lớn cho vườn giống gốc và các mô hình đã trồng;
- Dự án gặp khó khăn về vốn đối ứng: Người dân tham gia Dự án ở vùng khó khăn không có đủ kinh phí đối ứng;
- Trong quá trình triển khai Dự án, giá cây giống và nguyên vật liệu tăng trong khi không có qui định về cấp bổ sung kinh phí;
- Nhiều người dân phá vỡ cam kết không tham gia Dự án;
- Tổ chức chủ trì thiếu kinh nghiệm trong lĩnh vực dực liệu, chủ nhiệm Dự án và thành viên tham gia có nhiều thay đổi trong quá trình thực hiện;
- Sự phối hợp giữa tổ chức chủ trì và cơ quan chuyên giao công nghệ chưa chặt chẽ.

3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến tính bền vững của dự án

Một là, cơ chế, chính sách bao gồm các quy định về: công tác quản lý; cơ cấu, tỷ lệ các nguồn kinh phí; sự phối hợp, phân công trách nhiệm và quyền lợi giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện dự án; cơ quan chịu trách nhiệm hỗ trợ nhân rộng các kết quả của dự án và kinh phí để thực hiện công tác nhân rộng mô hình.

Hai là, công nghệ ứng dụng và công tác hỗ trợ ứng dụng công nghệ:

Các công nghệ ứng dụng trong dự án phải là công nghệ được công nhận là tiên bộ kỹ thuật và công nghệ mới, đã được cho phép ứng dụng vào thực tế sản xuất, có tính ổn định cao để đảm bảo đem lại hiệu quả và hạn chế các rủi ro.

Các công nghệ được lựa chọn phải phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng cũng như trình độ tiếp thu của doanh nghiệp và người dân, giúp giải quyết những vấn đề bức xúc của địa phương và doanh nghiệp, đem lại hiệu quả kinh tế-xã hội.

Các công nghệ ứng dụng phải gắn liền với các tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ.

Ba là, tổ chức chủ trì thực hiện dự án:

Tổ chức chủ trì vừa là đơn vị trực tiếp thực hiện các hoạt động của dự án, vừa là đơn vị chịu trách nhiệm huy động, sử dụng các nguồn kinh phí theo đúng qui định để dự án đạt kết quả tốt nhất và cũng là đơn vị tiếp nhận các qui trình công nghệ, chịu trách nhiệm hướng dẫn cho người dân khi nhân rộng mô hình ra cộng đồng.

Bốn là, mức độ sẵn sàng tiếp nhận của đối tượng thụ hưởng:

Để đảm bảo tính bền vững đối với các dự án phát triển sản xuất nông nghiệp thì việc có thị trường tiêu thụ ổn định với giá hợp lý là điều thiết yếu.

Tuy nhiên, theo quy định của Chương trình Nông thôn miền núi và thực tế triển khai, chưa có qui định bắt buộc các dự án phải có phương án về thị trường hoặc phải chứng minh các sản phẩm là kết quả của dự án đã có thị trường tiêu thụ.

Năm là, yếu tố về thị trường: Để các dự án thuộc Chương trình NTMN đảm bảo được tính bền vững, yếu tố về thị trường cần được chú trọng, xem xét kỹ lưỡng ngay từ khâu lựa chọn dự án, đồng thời, cần quan tâm đến trong suốt thời gian thực hiện dự án cũng như sau khi dự án kết thúc.

4. Đề xuất một số giải pháp để nâng cao tính bền vững đối với dự án thuộc Chương trình nông thôn miền núi

4.1. Giải pháp chính sách về cơ chế quản lý Chương trình

Bổ sung một số quy định về lựa chọn, phê duyệt, quản lý các dự án:

- Dự án được đề xuất phải phù hợp với quy hoạch, điều kiện tự nhiên và giúp địa phương giải quyết những vấn đề cấp thiết, nổi cộm nhằm tạo ra những sản phẩm chủ lực/đặc thù có lợi thế cạnh tranh trên thị trường;
- Ưu tiên lựa chọn các dự án sản xuất theo chuỗi giá trị, tạo điều kiện giao cho các doanh nghiệp chủ trì các dự án sản xuất ra sản phẩm, hàng hóa có quy mô lớn, khép kín từ sản xuất giống, phát triển vùng nguyên liệu đến sơ chế, chế biến sâu và thương mại hóa sản phẩm;

- Cần có cơ chế đặc thù về chuyển giao tài sản không bồi hoàn sau khi kết thúc dự án để các mô hình có thể tiếp tục duy trì sản xuất và nhân rộng, đảm bảo tính bền vững cho dự án;
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai: Thay vì quy định 01 lần kiểm tra/năm như trước nên quy định kiểm tra định kỳ 02 lần/năm và kiểm tra đột xuất khi có vấn đề phát sinh. Ngoài ra, nên quy định giao cho Sở KH&CN các tỉnh/thành phố là đơn vị quản lý ở địa phương thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn, giúp đỡ các tổ chức chủ trì kịp thời tháo gỡ, giải quyết các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án.

4.2. Giải pháp về cơ chế quản lý tài chính của Chương trình

Tăng kinh phí hỗ trợ cho các dự án thuộc Chương trình, đặc biệt là các dự án ở vùng đặc biệt khó khăn: Giai đoạn hiện nay mức kinh phí hỗ trợ từ ngân sách trung ương để triển khai thực hiện dự án cao nhất không vượt quá 50% tổng kinh phí thực hiện dự án. Mức kinh phí này nên nâng lên 70% đối với các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn theo các văn bản quy định của Nhà nước (Ví dụ: Quyết định số 861/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, II, I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025).

Tăng kinh phí cho hoạt động chuyển giao công nghệ, đảm bảo cho tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ đủ kinh phí để thực hiện nhiệm vụ và phù hợp với đặc thù trong việc chuyển giao công nghệ cho vùng sâu, vùng xa.

Quy định rõ hồ sơ chứng minh năng lực tài chính của tổ chức chủ trì và các tổ chức, cá nhân khác khi tham gia thực hiện dự án, đảm bảo đủ kinh phí đối ứng để hoàn thành dự án thành công.

4.3. Giải pháp hỗ trợ cho việc dự án thực hiện thành công, có thể duy trì và nhân rộng kết quả sau khi kết thúc

Xây dựng cơ chế phối hợp các nguồn lực, lồng ghép việc thực hiện Chương trình NTMN với các chương trình để tập trung sức mạnh tổng hợp về nguồn tài chính và đội ngũ kỹ thuật viên tại cùng một địa bàn thực hiện chuyển giao công nghệ để đạt được mục tiêu.

Xây dựng chính sách hỗ trợ vốn vay ưu đãi cho doanh nghiệp khi tham gia Chương trình NTMN. Vốn vay ưu đãi sẽ được hỗ trợ sau khi dự án kết thúc và được sử dụng để duy trì, nhân rộng mô hình dự án.

Xây dựng chính sách ưu đãi về thuế cho sản phẩm được hình thành từ dự án NTMN. Mục đích của chính sách ưu đãi về thuế là tạo điều kiện giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp thông qua giảm nghĩa vụ thuế.

Tăng cường công tác thông tin, truyền thông về các mô hình ứng dụng chuyển giao công nghệ thực hiện tại các địa phương để khuyến khích nhân rộng mô hình.

4.4. Giải pháp về thị trường cho sản phẩm của dự án

Các dự án phải có phương án tiêu thụ sản phẩm khi lập thuyết minh dự án: khảo sát, đánh giá tiềm năng thị trường cho sản phẩm, nếu tổ chức chủ trì là doanh nghiệp thì cần có định hướng cụ thể về đầu ra cho sản phẩm; nếu là đơn vị hành chính sự nghiệp thì cần có sự tham gia dưới dạng cam kết thu mua của doanh nghiệp hoặc đơn vị đầu mối trên địa bàn.

Có phương án xây dựng thị trường, thương hiệu cho sản phẩm trong quá trình triển khai dự án: Phương án tuyên truyền, quảng bá về kết quả và các sản phẩm của dự án, phối hợp với chính quyền địa phương hoặc các tổ chức khác để kết nối người sản xuất và người thu mua, đồng thời, quảng bá sản phẩm.

Xây dựng được mạng lưới cung cấp thông tin thị trường, đặc biệt là thị trường xuất khẩu để làm cầu nối hỗ trợ cho doanh nghiệp.

5. Kết luận

Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa là hướng đi tất yếu cho hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Các dự án thuộc Chương trình NTMN được triển khai cho thấy, tuy ở mức độ khác nhau song nó đã mang lại hiệu quả kinh tế và xã hội rõ rệt.

Nâng cao tính bền vững là việc làm cần thiết và quan trọng để Chương trình NTMN thực sự đem lại hiệu quả đến với người nông dân ở vùng nông thôn và miền núi. Nhóm tác giả đã nghiên cứu làm rõ những khó khăn tồn tại trong công tác quản lý, triển khai thực hiện, duy trì và nhân rộng dự án trên địa bàn vùng Bắc Trung Bộ, từ đó, phân tích đưa ra một số giải pháp chính sách góp phần nâng cao tính bền vững cho các dự án thuộc Chương trình NTMN. Việc tổng kết, rút kinh nghiệm và đề ra những chính sách thích hợp để từng bước hoàn thiện và mở rộng các mô hình, phấn đấu xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, sản xuất hàng hóa lớn là mục tiêu cần phải sớm hướng tới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Khoa học và Công nghệ (2015). *Kỷ yếu Hội nghị tổng kết Chương trình Nông thôn miền núi từ năm 1998 đến năm 2015*.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ (2020). *Kỷ yếu Hội nghị tổng kết Chương trình Nông thôn miền núi giai đoạn 2016-2020*.
3. Viện Nghiên cứu và Phát triển Vùng (2017). *Báo cáo đánh giá hiện trạng và giải pháp phát triển sản phẩm nông nghiệp chủ lực và đặc thù của vùng Bắc Trung Bộ*. Tài liệu phục vụ Hội nghị Giao ban Vùng Bắc Trung Bộ.
4. Bùi Mạnh Hải (2007). *Nghiên cứu cơ sở lý luận và tổng kết thực tiễn xây dựng mô hình ứng dụng KH&CN phục vụ phát triển nông thôn và miền núi*. Đề tài nghiên cứu cấp Bộ Khoa học và Công nghệ.
5. Trần Anh Tuấn (2008). *Nghiên cứu và đề xuất các biện pháp đảm bảo tính bền vững của công tác chuyển giao tiến bộ KH&CN trong nông nghiệp các tỉnh miền núi phía Bắc*. Đề tài nghiên cứu cấp Bộ Khoa học và Công nghệ.
6. Trần Anh Tuấn, Trương Thu Hằng (2018). “Nghiên cứu đề xuất giải pháp KH&CN thúc đẩy phát triển nông nghiệp công nghiệp hóa hành lang đường Hồ Chí Minh vùng Bắc Trung Bộ”. *Tạp chí Chính sách và Quản lý Khoa học và Công nghệ*. Số 4, 2018.
7. Trần Anh Tuấn, Lê Tất Khương (2014). “Đặc điểm tiềm năng, lợi thế liên quan đến sản xuất nông nghiệp vùng Bắc Trung Bộ”. *Đặc san khoa học và công nghệ Quảng Trị*.